



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

TỔNG QUAN

CTS DỰ BÁO NĂM 2024	ĐƠN VỊ	TÍCH CỰC	TIÊU CỰC
Chỉ số giá tiêu dùng - CPI	% yoy	3,5%	> 3,5%
Tỷ giá USD/VND	VNĐ	24.300 – 24.800	> 24.800
Tăng trưởng tín dụng	% yoy	≥ 15%	< 15%
Tăng trưởng vốn FDI đăng ký mới	% ytd	15%	< 15%
Giải ngân đầu tư công	% ytd	85 – 95%	< 85%
Tăng trưởng GDP	% yoy	6,0%	< 6,0%

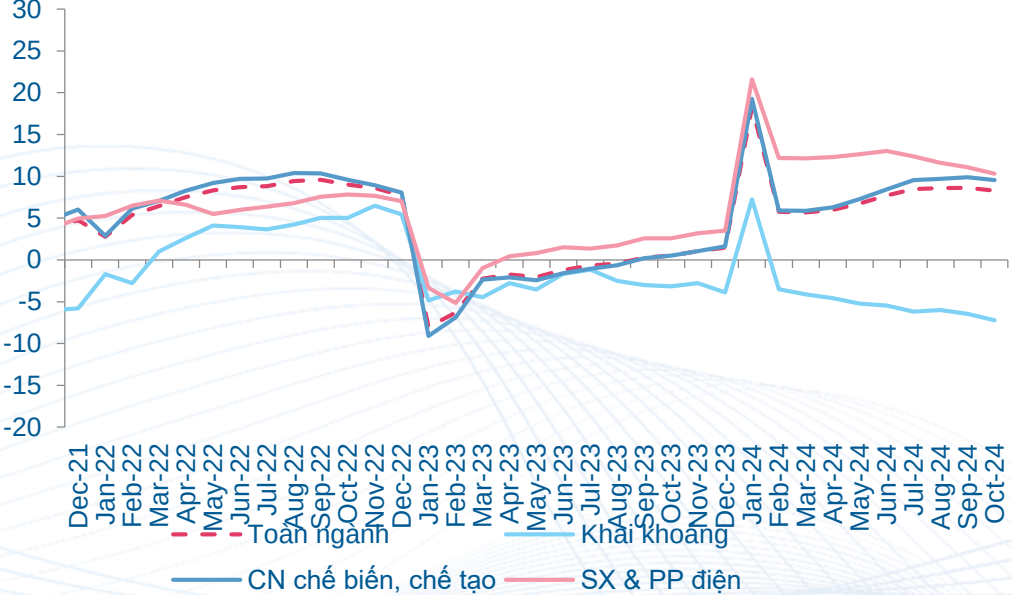
Chú thích: CTS dự báo khả năng có thể xảy ra

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ VIỆT NAM 10T/2024

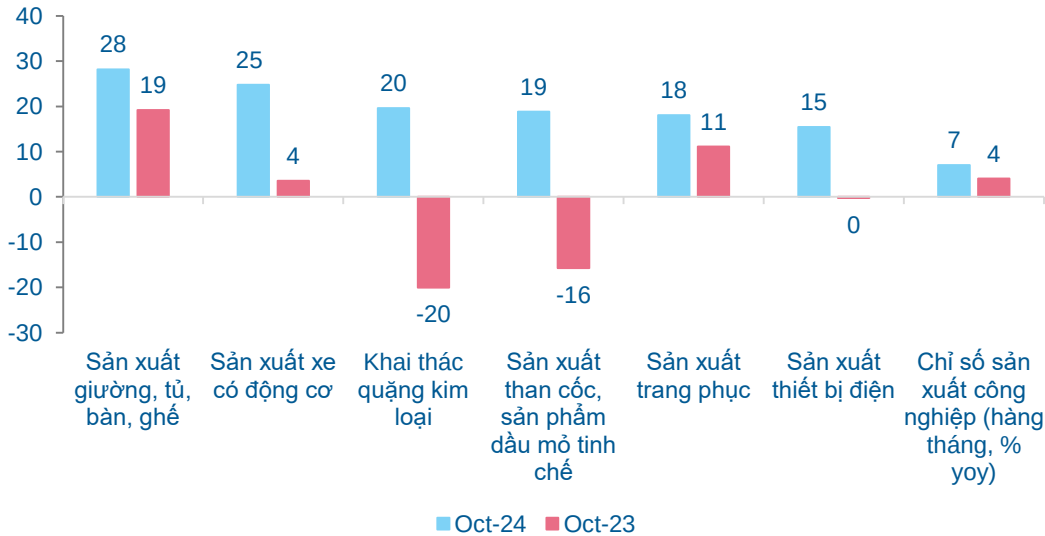
SẢN XUẤT KINH DOANH BẮT ĐẦU PHÁT ĐI NHỮNG TÍN HIỆU PHỤC HỒI

- Trong 10 tháng đầu năm 2024, **Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)** ước tính tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,3% và ngành khai khoáng giảm 7,2%.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 10/2024 đạt 51,2 điểm**, tăng so với mức 47,2 điểm của tháng 9 nhờ sự phục hồi trở lại của các đơn hàng mới, đồng thời hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp dần được khôi phục sau tác động nặng nề từ bão Yagi, giúp chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 10 vượt ngưỡng 50 điểm. Đà phục hồi tích cực của sản xuất công nghiệp cũng được thể hiện qua việc chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng 10/2024 vẫn tăng tới 7,02% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 1: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP (ytd, %yoy)



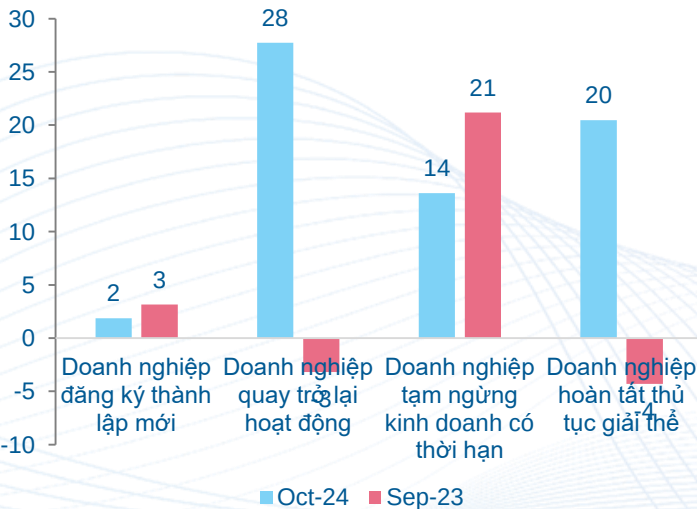
Biểu đồ 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP, phân loại theo các ngành công nghiệp



DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI TĂNG

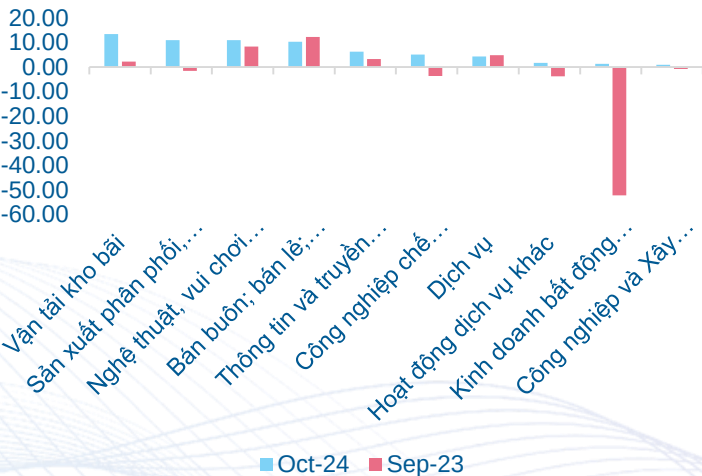
- Tính đến tháng 10 năm 2024, cả nước có khoảng 202,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế đạt 2,6 triệu tỷ đồng, giảm 4,7% so với cùng kỳ, trong đó, số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 1.312,1 nghìn tỷ đồng (tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2023).
- Theo khu vực kinh tế, 10 tháng năm 2024 có 1,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm trước; 31.585 doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, giảm 0,5%; 103,1 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 2,7%.
- Tính chung 10 tháng năm 2024, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 92,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước; hơn 63,7 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 25,6%; gần 17,4 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 20,5%. Bình quân một tháng có 17,3 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Biểu đồ 3: Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (đơn vị: %)



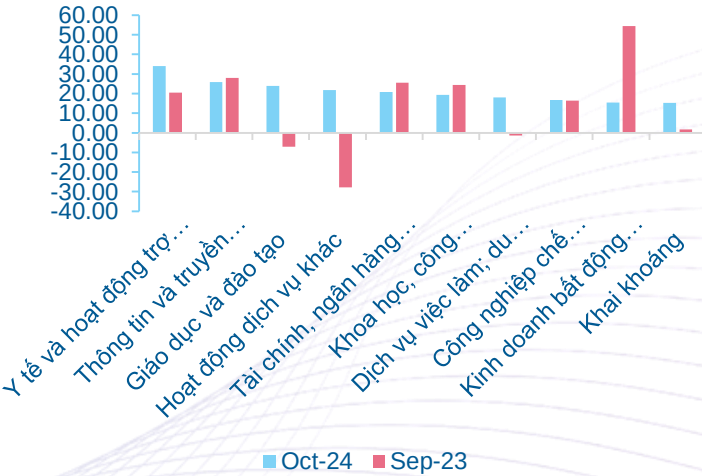
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 4: Tăng trưởng doanh nghiệp đăng ký mới tăng nhiều nhất (đơn vị: %)



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

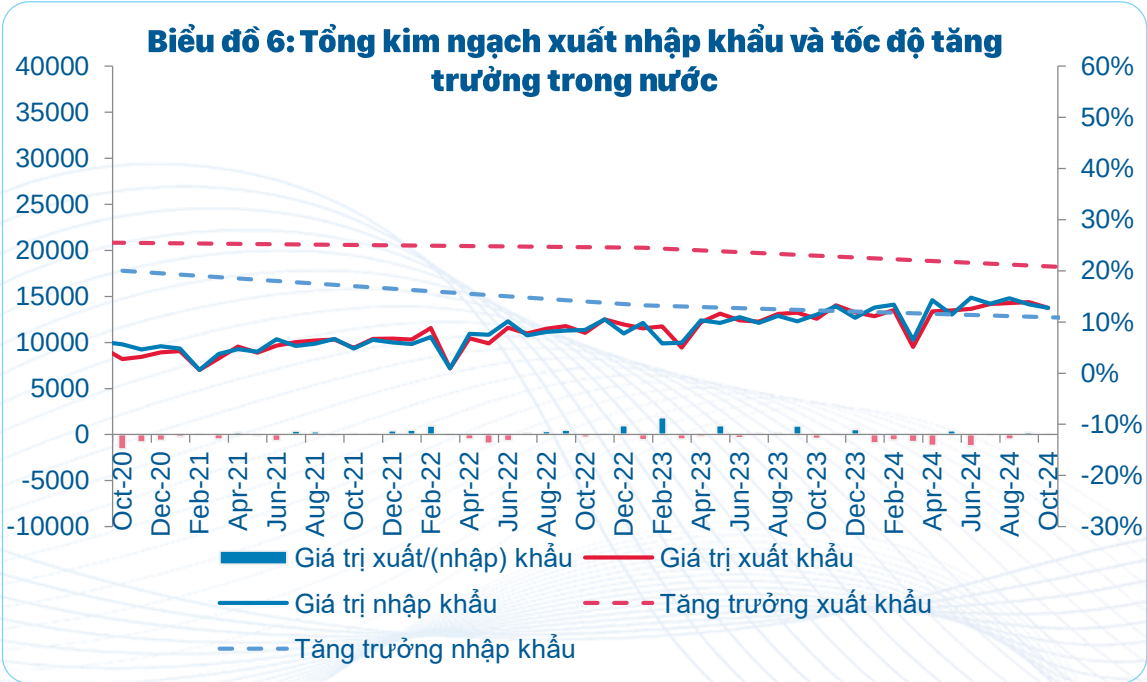
Biểu đồ 5: Tăng trưởng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng nhiều nhất (đơn vị: %)



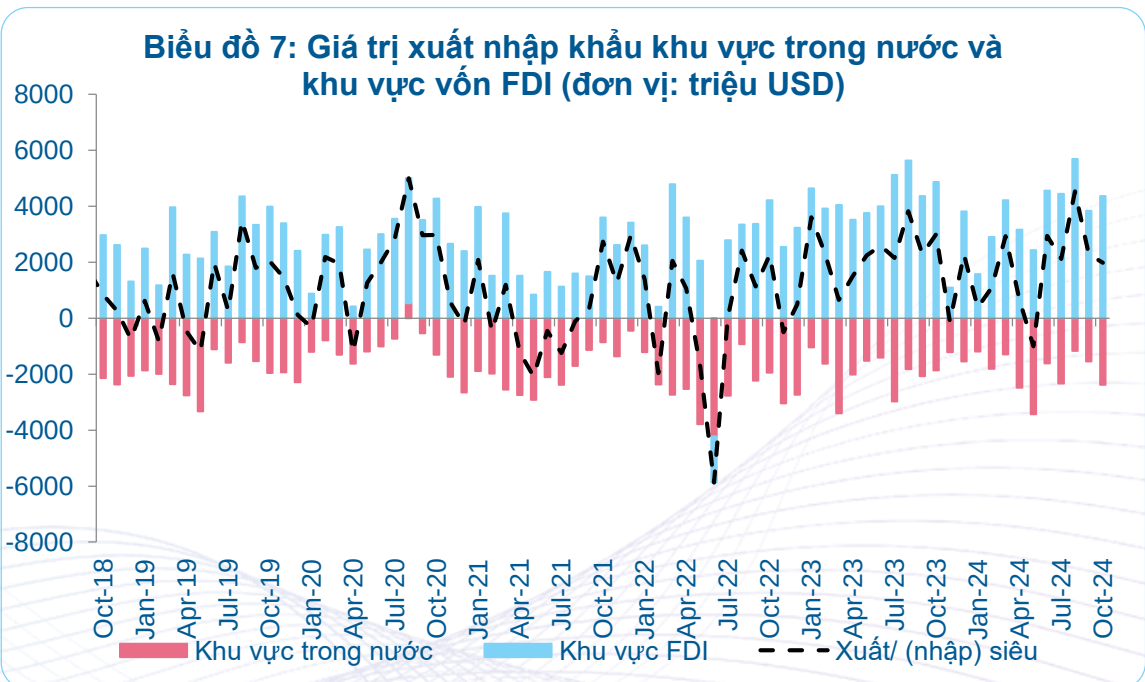
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

XUẤT NHẬP KHẨU TRỞ LẠI ẦN TƯỢNG

- Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, **tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 647,9 tỷ USD**, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,9%; nhập khẩu tăng 16,8%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 23,3 tỷ USD.
- Trong 10T/2024, **kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 335,6 tỷ USD**, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 93,98 tỷ USD, tăng 20,7%, chiếm 28% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 241,62 tỷ USD, tăng 12,8%, chiếm 72%.
- Trong 10T/2024, **kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 312,3 tỷ USD**, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 113,58 tỷ USD, tăng 18,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 198,7 tỷ USD, tăng 15,8%.



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

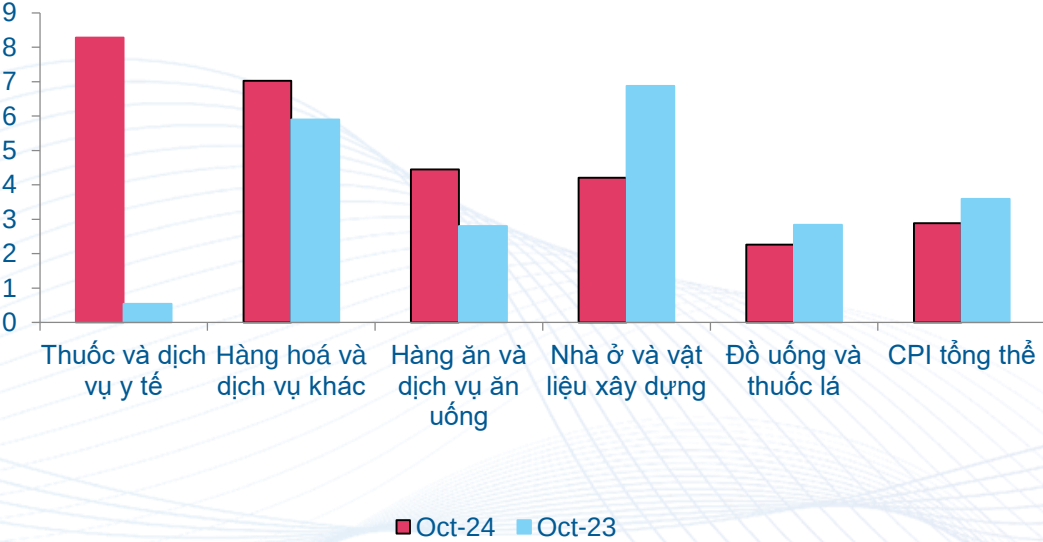


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

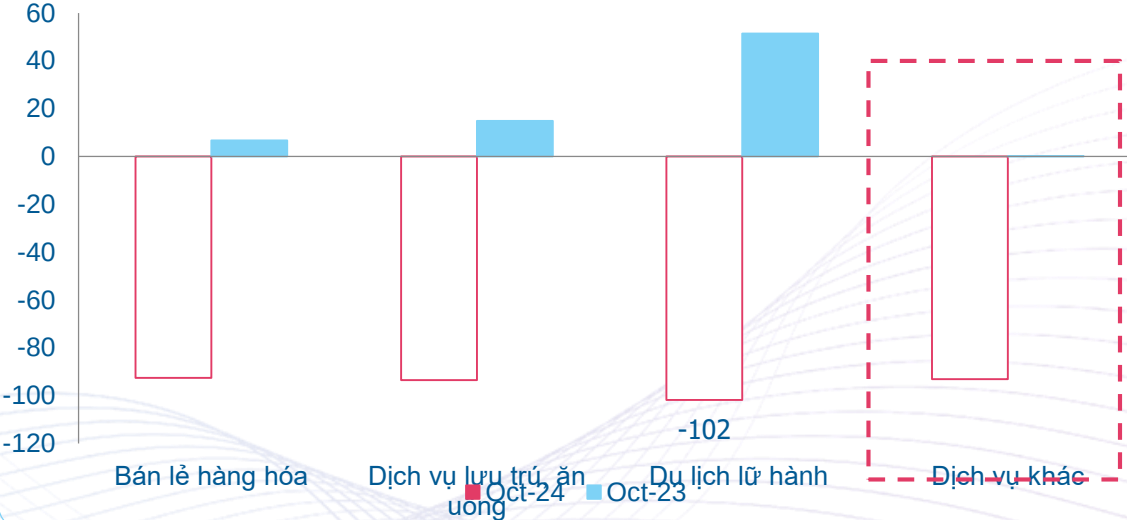
LẠM PHÁT VẪN ĐANG TRONG TẦM KIỂM SOÁT ỔN ĐỊNH

- Trong tháng 10, chỉ số CPI tăng 0,33% so với tháng trước và 2,89% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng đầu năm 2024, **chỉ số CPI tăng 3,78%, lạm phát cơ bản tăng 2,69% so với cùng kỳ năm trước**. Lạm phát cơ bản tăng 2,69%, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,78%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.
- Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt **5.246,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước**, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 4,6%. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng 8,5% vẫn chưa đạt được mức tăng trưởng như thời kỳ trước dịch Covid-19 (tăng trên 10%) và mức tăng 10 tháng năm nay thấp hơn 2,1 điểm phần trăm so với mức tăng bình quân 10 tháng các năm giai đoạn (2015-2019).

Biểu đồ 8: Chỉ số giá tiêu dùng CPI, so với cùng kỳ năm trước



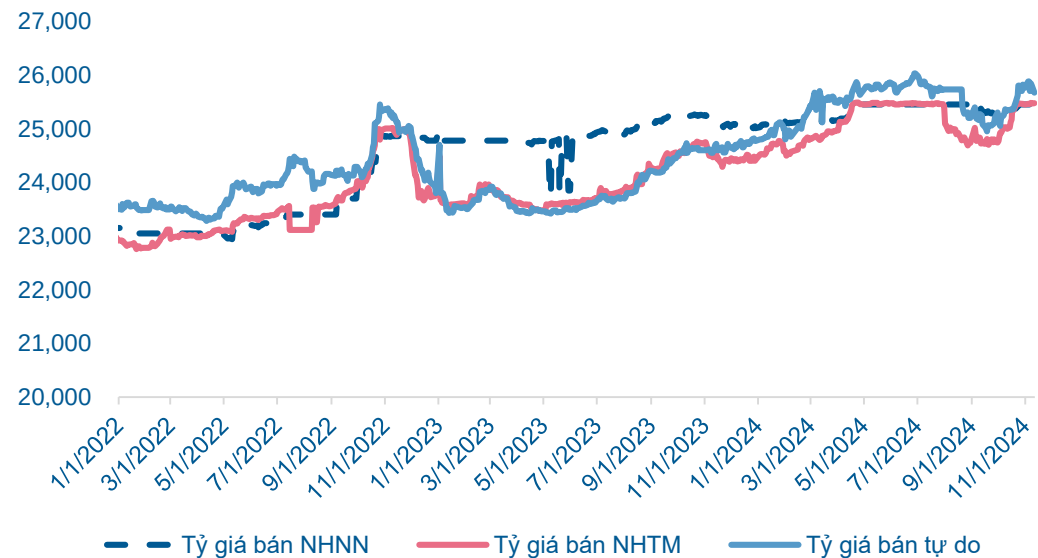
Biểu đồ 9: Tăng trưởng tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



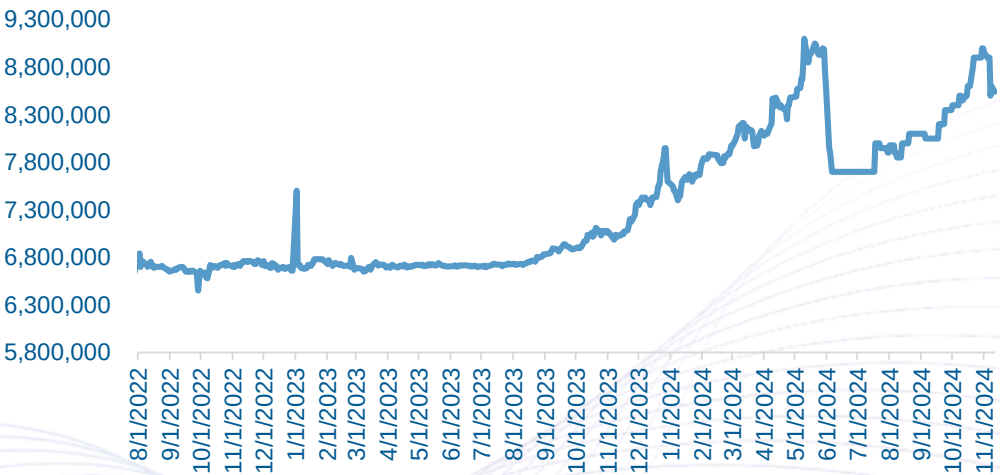
ÁP LỰC TỶ GIÁ CÓ XU HƯỚNG GIA TĂNG TRỞ LẠI

- Áp lực tỷ giá gia tăng trở lại và tỷ giá USD/VND bật tăng từ nửa cuối tháng 10. Tính đến ngày 18/11/2024, tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với USD đang ở mốc 24.298 VNĐ. Hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại (NHTM) được phép giao dịch trong biên độ từ 23.400 - 25.450 USD/VND. Chúng tôi đánh giá, nguyên nhân tỷ giá bước vào xu hướng giảm dần chủ yếu là do ảnh hưởng của diễn biến thị trường thế giới trong bối cảnh Fed đã “mạnh tay” nới lỏng lãi suất vào cuộc họp ngày 18/09, với mức cắt giảm 50 điểm cơ bản và dự kiến sẽ tiếp tục lộ trình này cho đến cuối năm.
- Trong khi đó, giá vàng thế giới dần hạ nhiệt và dao động quanh vùng đỉnh mới trong bối cảnh nhu cầu trú ẩn tăng trước những bất ổn địa chính trị. Tính đến ngày 18/11/2024, bình quân giá vàng thế giới vẫn dao động mức 2.609 USD/ounce, giảm 4% so với tháng trước. Ở trong nước, giá vàng SJC cũng đang tiệm cận ở vùng giá 84 – 86 triệu đồng, tiếp tục nằm trong vùng giá cao trong nhiều năm trở lại đây.

Biểu đồ 10: Tỷ giá USD/VND



Biểu đồ 11: Tỷ giá vàng bán ra SJC Hà Nội

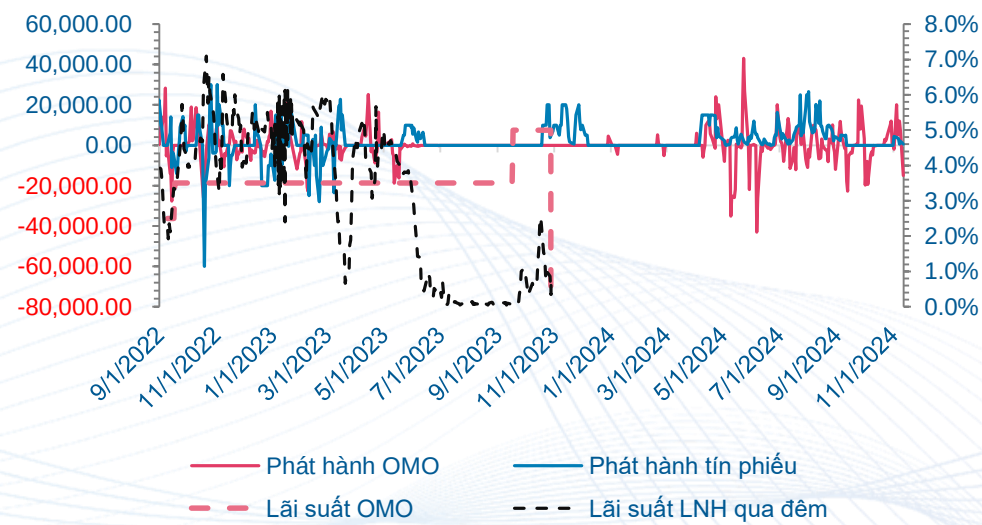


NHNN TIẾP TỤC PHÁT HÀNH TRÊN KÊNH TÍN PHIẾU

- Trong tháng 10/2024, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 18 phiên đấu thầu trái phiếu chính phủ với tổng giá trị gọi thầu là 50,2 nghìn tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 66,5%.
- Tổng giá trị Trái phiếu chính phủ (TPCP) phát hành thông qua đấu thầu trong 10 tháng đầu năm 2024 là 302,2 nghìn tỷ đồng, tương đương 75,6% kế hoạch cả năm, trong đó khối lượng TPCP phát hành tháng 10 là 30,575 tỷ đồng, đạt 23,8% kế hoạch Quý 4.

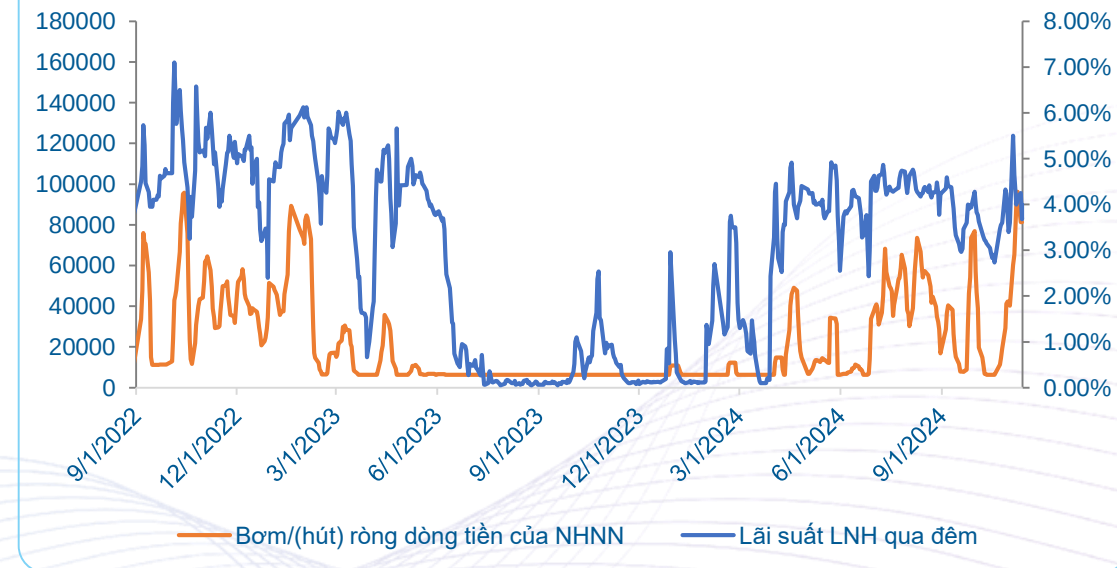
- Lãi suất liên ngân hàng trong tháng 10 giảm ở hầu hết các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch trong tháng đạt gần 87,3 triệu tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước.
- Nghiệp vụ thị trường mở: trong tháng 10, NHNN đã phát hành tín phiếu từ ngày 18.10 với giá trị phát hành đạt khoảng 89,2 nghìn tỷ đồng và đã mua GTCG kỳ hạn 7 ngày trên kênh OMO với tổng giá trị 50 nghìn tỷ đồng nhằm hỗ trợ thanh khoản hệ thống, duy trì mặt bằng lãi suất liên ngân hàng và kích thích tín dụng giữa bối cảnh áp lực tỷ giá hạ nhiệt.

Biểu đồ 12: Khối lượng phát hành OMO và tín phiếu



Nguồn: SBV; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 13: Lãi suất LNH qua đêm và cung tiền từ NHNN

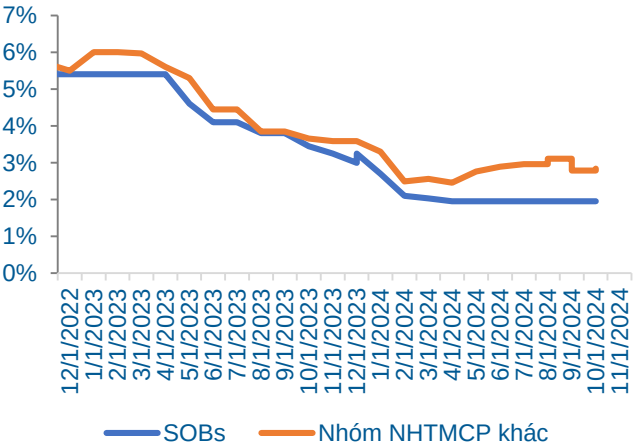


Nguồn: SBV; CTS tổng hợp và dự báo

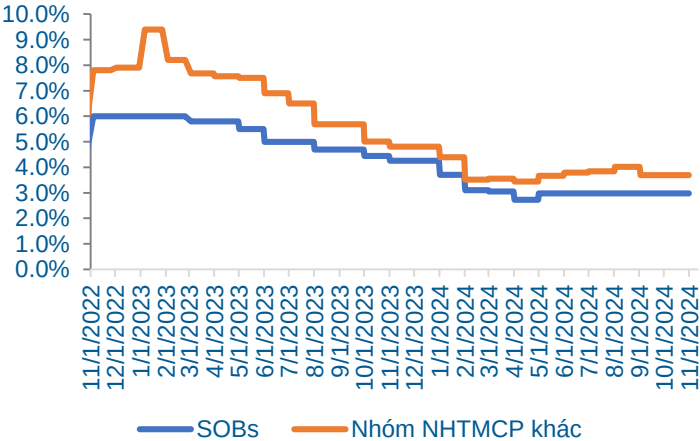
LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH DUY TRÌ Ở MỨC ỔN ĐỊNH

- Hiện tại lãi suất tái cấp vốn vẫn đang duy trì ở mức 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu duy trì ở mức 3% và lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với tổ chức tín dụng, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài là 5%/năm.
- Mặt bằng lãi tiền gửi các kỳ hạn cũng ghi nhận xu hướng hồi phục nhẹ trong thời gian vừa qua. Cụ thể
 - (1) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh là 1,9% - 2,9%, của các NHTM là 3,5%- 4,7%.
 - (2) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6-9 tháng của các NHTM là 4,5% - 5,7%.
 - (3) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng của của các NHTM là khoảng 4,7%- 6%.

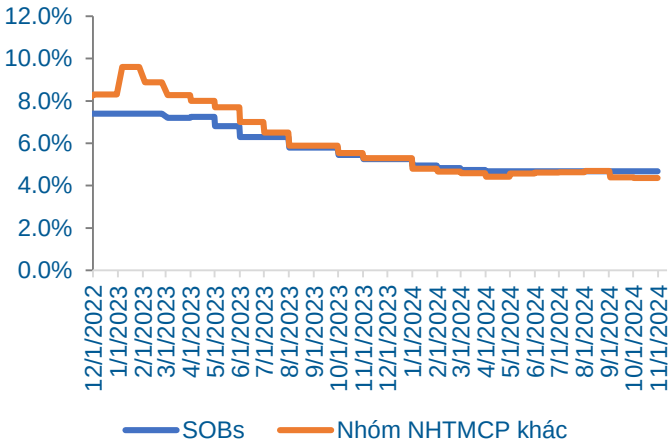
Biểu đồ 14: Lãi suất tiền gửi VND từ 3 đến <6 tháng



Biểu đồ 15: Lãi suất tiền gửi VND từ 6-9 tháng



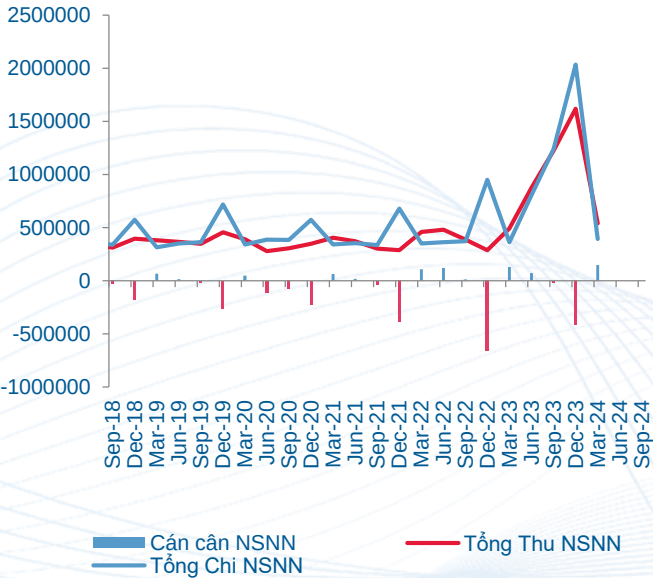
Biểu đồ 16: Lãi suất tiền gửi VND từ 12 tháng



TỔNG THU NSNN 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 ĐẠT 1.654,2 NGHÌN TỶ ĐỒNG

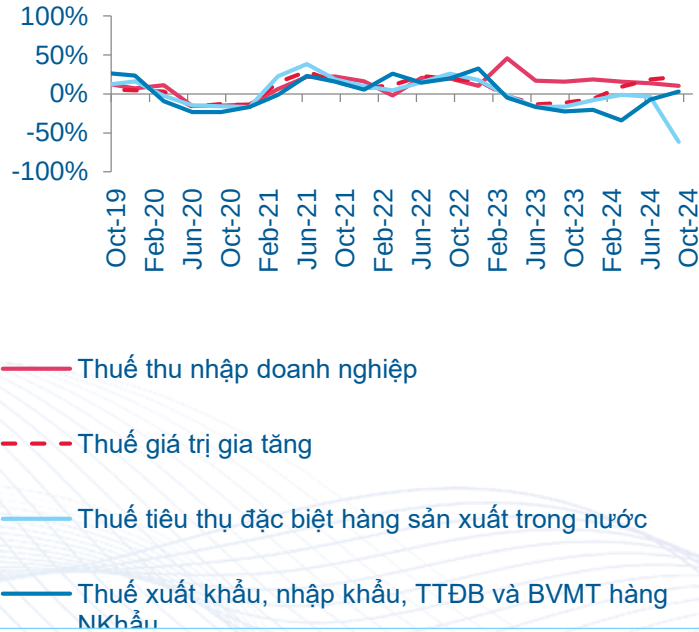
- **Tổng thu** ngân sách Nhà nước 10 tháng đầu năm 2024 ước đạt 1.654,2 nghìn tỷ đồng, bằng 97,2% dự toán năm và tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Thu nội địa ước đạt 1.377,6 nghìn tỷ đồng, tăng 18,1% svck; Thu từ dầu thô ước đạt khoảng 48,9 nghìn tỷ đồng, giảm 6% svck và Thu cân đối ngân sách ước đạt 227,2 nghìn tỷ đồng, tăng 18,9% svck.
- **Tổng chi** ngân sách Nhà nước 10 tháng đầu năm 2024 ước đạt 1.399,7 nghìn tỷ đồng, bằng 66% dự toán năm và tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Chi đầu tư phát triển ước đạt hơn 355,6 nghìn tỷ đồng, đạt 52,5% dự toán; Chi trả nợ lãi ước khoảng 320,6 nghìn tỷ đồng, đạt 76,8% dự toán và Chi thường xuyên ước đạt 956 nghìn tỷ đồng, đạt 75,9% dự toán.

Biểu đồ 17: Cân đối thu - chi ngân sách nhà nước



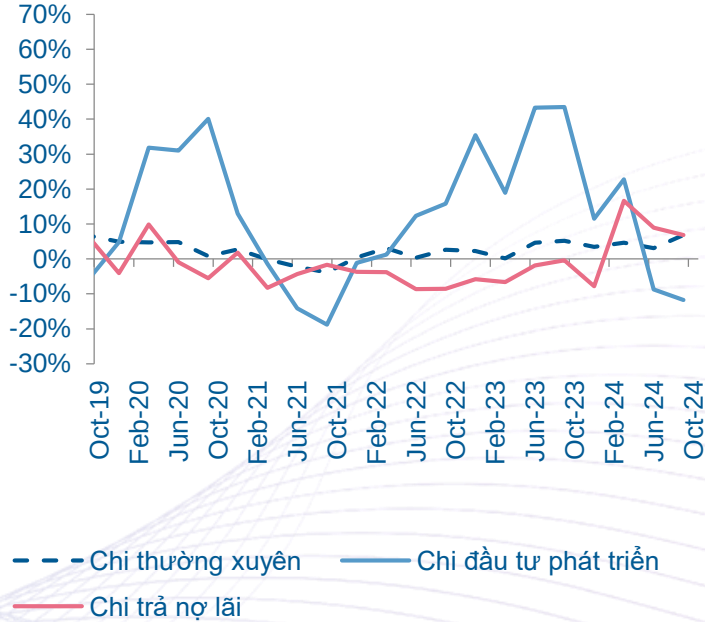
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 18: Tăng trưởng các khoản thu chính



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

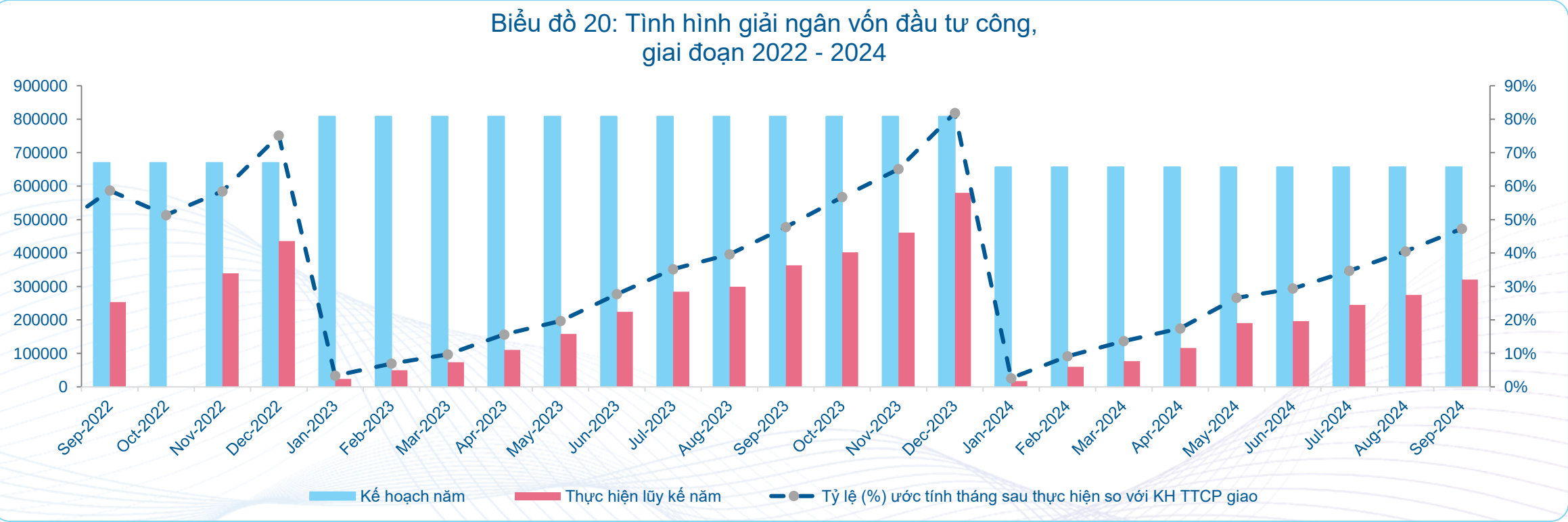
Biểu đồ 19: Tăng trưởng các khoản chi chính



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

ƯỚC GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 10 THÁNG ĐẠT 52,3%

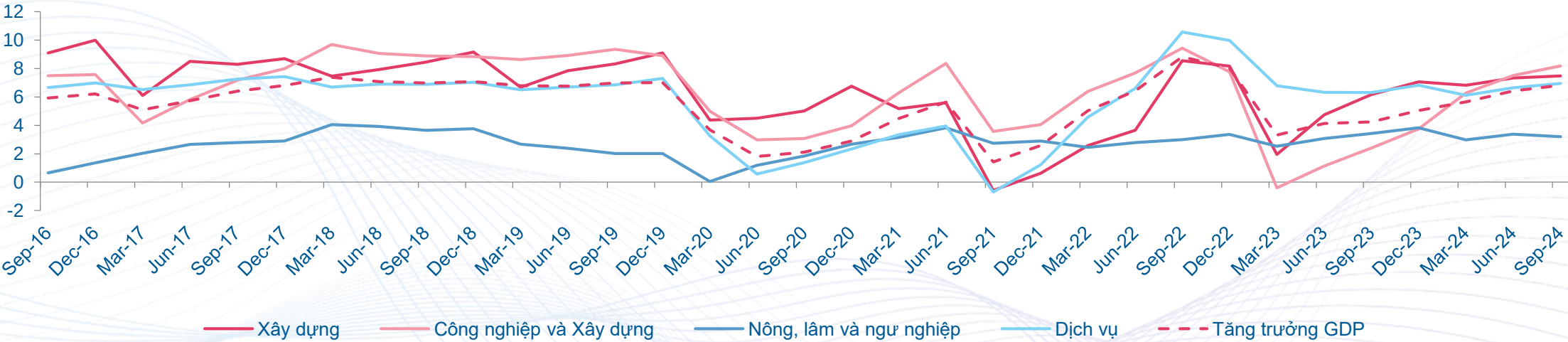
- Theo Bộ Tài chính, tỷ lệ ước giải ngân vốn đầu tư công 10 tháng năm 2024 ước đạt 355,6 nghìn tỷ đồng, đạt 52,3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá tỉ lệ giải ngân này không đạt được như kỳ vọng.
- Vẫn còn 29 bộ, cơ quan và 22 địa phương có tỉ lệ giải ngân thấp hơn trung bình của cả nước. Một số địa phương được giao kế hoạch lớn, song tỉ lệ giải ngân thấp dẫn đến làm giảm tỉ lệ giải ngân chung của cả nước. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do chính sách còn vướng mắc, chậm sửa đổi, việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công các năm chậm trễ, phân bổ rất nhiều lần. Nhiều dự án tắc nghẽn vì công tác giải phóng mặt bằng, thiếu vật liệu xây dựng. Trong khi tại các địa phương, tâm lý cán bộ e dè, không dám làm cũng gây cản trở tiến độ giải ngân.



NỀN KINH TẾ ĐANG CÓ NHỮNG BƯỚC CHUYỂN MÌNH TÍCH CỰC

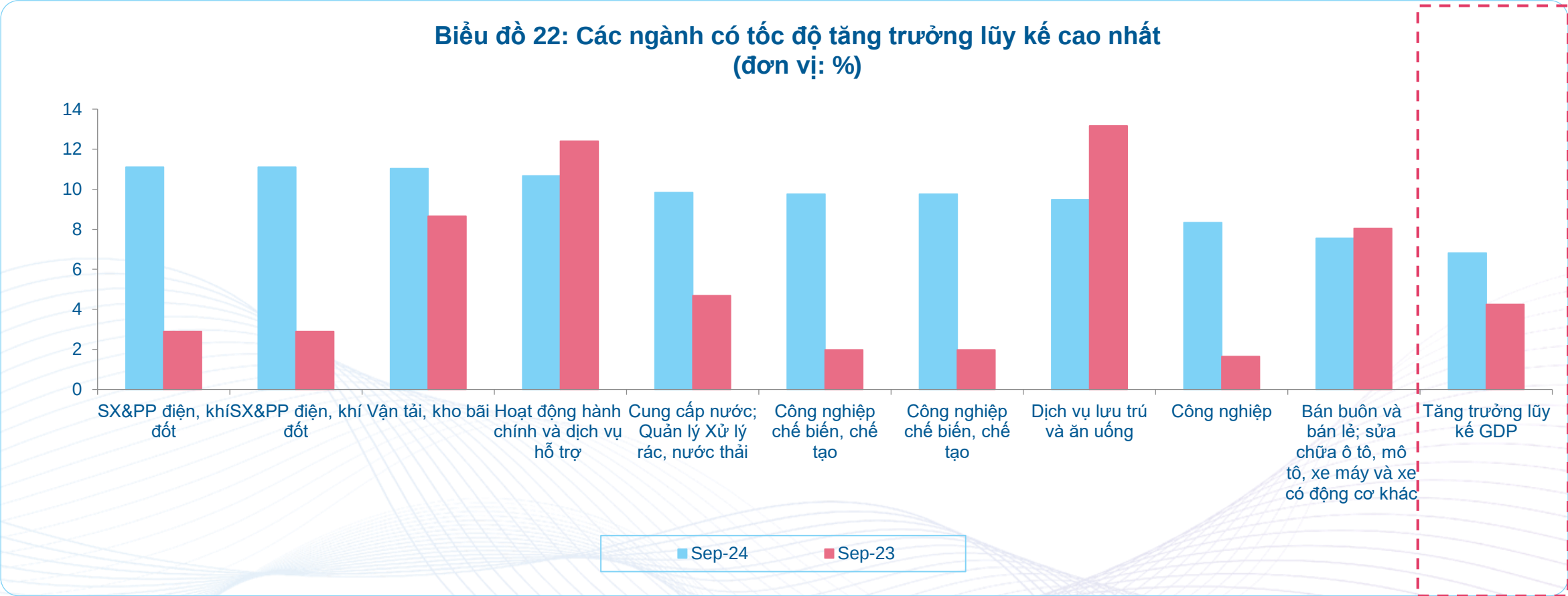
- Tăng trưởng GDP Q3/2024 là 7,4% so với cùng kỳ năm trước, ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực, cho thấy dấu hiệu khởi sắc của nền kinh tế. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, GDP tăng 6,82%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8,98% của 9 tháng đầu năm 2022 trong cả giai đoạn 2020-2024.
- Về cơ cấu nền kinh tế 9T/2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,64%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,10%; khu vực dịch vụ chiếm 42,80%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,46%.
- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chịu ảnh hưởng nghiêm trọng từ cơn bão số 3 vào tháng 9/2024 nên tăng trưởng chậm lại so với cùng kỳ các năm trước với mức tăng là 3,20%, chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ năm 2020 trong giai đoạn 2020-2024.
- Khu vực công nghiệp và xây dựng, sản xuất của nhiều ngành công nghiệp trọng điểm tăng cao với mức tăng 8,34% so với cùng kỳ năm trước.
- Các ngành thương mại, du lịch, vận tải duy trì đà tăng trưởng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của toàn nền kinh tế với giá trị tăng thêm là 6,95% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 21: Tăng trưởng lũy kế GDP và các khu vực kinh tế, giai đoạn 2016 – 2024 (đơn vị: %)



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG LŨY KẾ CÁC NGÀNH (THEO QUÝ)

- Dịch vụ lưu trú và ăn uống; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; bán buôn và bán lẻ và vận tải, kho bãi đang là những ngành có tốc độ tăng trưởng khả thi nhất kể từ đầu năm 2024.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính

📍 Tòa N02-T2 Khu Ngoại Giao Đoàn, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

☎ 024 3974 1771 📠 024 3974 1760

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

📍 49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

☎ 024 3974 1771 📠 028 3820 0899

Chi nhánh Đà Nẵng

📍 36 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

☎ 024 3974 1771 📠 023 6358 4788